

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2022/HS-PT

Ngày: 11-11-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Diệp;

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mai Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt; kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 149/2022/TLPT-HS ngày 09 tháng 8 năm 2022; đối với bị cáo Nguyễn Thu T; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Thu T, sinh năm 1992, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp G, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị C; chồng và con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấp đi khỏi nơi cư trú số 38/LC-CSĐT ngày 22-3-2022; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ủy ban nhân dân xã P. Địa chỉ: ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phước N – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Biện Việt T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thu T: Ông Đỗ Thanh T; Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Xuân B - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 13-02-2020 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Trảng Bàng (hiện nay thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây

Ninh về thanh tra việc quản lý tài chính tại Ủy ban nhân dân xã PL(hiện nay xã P), thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giai đoạn từ năm 2017. Do đó, từ ngày 24-02-2020 đến ngày 31-3-2020, Đoàn thanh tra thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã thanh tra việc quản lý tài chính tại Ủy ban nhân dân xã PL; phát hiện Ủy ban nhân dân xã PL có những sai phạm trong quản lý tài chính và bị cáo Nguyễn Thu T giữ nhiệm vụ thủ quỹ có dấu hiệu vi phạm, nên Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng đề nghị chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xử lý theo quy định của pháp luật.

Qua điều tra xác định: Từ năm 2014, bị cáo T ký hợp đồng lao động làm Thủ quỹ, Văn thư lưu trữ của Ủy ban nhân dân xã PL. Từ năm 2019 đến tháng 02-2020, bị cáo quản lý tiền và chi tiền không đúng quy định, chiếm đoạt nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp cho Ủy ban nhân dân xã số tiền 238.016.610 đồng; cụ thể như sau:

- Chiếm đoạt kinh phí hoạt động năm 2019 của các ngành và cá nhân của UBND xã PL với số tiền 96.358.200 đồng.
- Chiếm đoạt tiền làm thêm giờ ngày thứ 7 của năm 2019 của chủ tịch UBND xã tên Lê Văn A và công chức thống kê của UBND xã tên Trần Quang Duy; tổng số tiền 10.687.910 đồng.
- Chiếm đoạt kinh phí hoạt động xây dựng nông thôn mới của năm 2018-2019 của Ủy ban nhân dân xã số tiền 35.000.000 đồng.
- Chiếm đoạt số tiền 95.970.500 đồng tạm ứng kinh phí hoạt động của UBND xã trong năm 2020.

Tổng số tiền chiếm đoạt 238.016.610 đồng, đã được bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; quyết định:

1. Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu T 07 (bảy) năm tù về tội “Tham ô tài sản”; thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận bị cáo và ông Lê Văn A, bà Trần Thị Hồng T đã chi trả tiền cho các ngành, các cá nhân và chi trả cho kho bạc. Ghi nhận ông Lê Văn A, bà Trần Thị Hồng T không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền nộp khắc phục này.

Ngoài ra bản án sơ thẩm quyết định án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11-7-2022, bị cáo có đơn kháng cáo cho rằng hành vi của bị cáo có vi phạm pháp luật; nhưng không phải tội danh “Tham ô tài sản”; mà hành vi của bị cáo phạm tội khác; đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo rút yêu cầu kháng cáo xét về tội danh.

2. Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến bào chữa như sau: Bị cáo đã nhận thức hành vi của bị cáo nên bị cáo đã xem xét giảm nhẹ hình phạt. Hiện nay bị cáo bị trầm cảm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giảm nhẹ 1 phần hình phạt.

3. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự; giảm nhẹ hình phạt; sửa bản án sơ thẩm về hình phạt; đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tổ tụng: Xét thấy những hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo thực hiện:

[2.1] Quá trình điều tra xác định số tiền 96.358.200 đồng kinh phí hoạt động năm 2019 của các ngành của Ủy ban nhân dân xã PL; bị cáo không chi cho các ngành này, mà bị cáo chi số tiền này cho các hoạt động khác như sau: Tháng 12/2019, Bị cáo đã chi cho kế toán T số tiền 64.000.000 đồng để ông T chi cho những hộ được hỗ trợ bò sinh sản theo chương trình 135, kế toán T có ký nhận vào sổ cá nhân của bị cáo; nhưng sổ cá nhân đã bị cháy; Tháng 02/2020, bị cáo trực tiếp chi số tiền 35.646.000 đồng cho 3 hộ dân được hỗ trợ bò sinh sản gồm: bà Nguyễn Thị Hiệp số tiền 9.560.000 đồng, bà Nguyễn Thị Nay số tiền 23.000.000 đồng, ông Đỗ Thành Ân số tiền 1.671.000 đồng, ông Võ Cao Phú Ân số tiền 1.415.000 đồng; họ có ký nhận vào phiếu chi và danh sách được duyệt chi do kế toán T lập. Tuy nhiên, đối chiếu những phiếu chi, các ông bà Nguyễn Thị Hiệp, Nguyễn Thị Nay, ông Đỗ Thành Ân, ông Võ Cao Phú Ân có ký nhận tiền nhưng không đúng số tiền như bị cáo đã khai nhận, các ông bà này xác định ông T trực tiếp chi cho họ; như vậy bị cáo không chứng minh được số tiền 96.358.200 đồng đã được chi hết.

[2.2] Đối với số tiền 10.687.910 đồng được xác định khoảng chi làm thêm giờ của cá nhân gồm có: Chủ tịch UBND xã Lê Văn A và công chức thống kê UBND xã Trần Quang Duy. Bị cáo không chi đúng, dùng số tiền này chi cho các hoạt động khác của UBND xã; tuy nhiên bị cáo không có chứng từ chi tiền, bị cáo không nhớ đã chi tiền cho hoạt động nào và chi tiền cho những ai; như vậy bị cáo không chứng minh được số tiền 10.687.910 đồng đã được chi hết.

[2.3] Đối với kinh phí hoạt động nông thôn mới năm 2018-2019 của Ủy ban nhân dân xã được xác định số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo không chi cho hoạt động này và cho rằng đã chi hết cho những hoạt động khác của xã; bị cáo không nhớ đã chi vào việc gì, chi tiền cho những ai; do không có lập chứng từ chi; như vậy bị cáo không chứng minh được số tiền 35.000.000 đồng đã được chi hết.

[2.4] Kinh phí từ ngân sách nhà nước (NSNN) cấp cho UBND xã năm 2020 và Ủy ban nhân dân xã tạm ứng được số tiền 95.970.500 đồng, bị cáo cho rằng đã chi hết nhưng không có chứng từ chi; như vậy bị cáo không chứng minh được đã chi hết số tiền 95.970.500 đồng.

[3] Bị cáo cho rằng việc bị cáo không chi tiền cho các ngành và cá nhân của Ủy ban nhân dân xã và chi không đúng cho những hoạt động của UBND xã đều thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã Lê Văn A. Tuy nhiên, ông Lê Văn A không thừa nhận có chỉ đạo sai, bị cáo không chứng minh được số tiền 238.016.610 đồng đã chi hết cho Ủy ban nhân dân xã PL.

[4] Xét thấy, với nhiệm vụ được giao thủ quỹ của Ủy ban nhân dân xã PL; bị cáo đã trực tiếp quản lý nguồn tiền ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động của Ủy ban nhân dân xã; cụ thể trực tiếp quản lý số tiền 238.016.610 đồng kinh phí (NSNN) và bị cáo không thực hiện đúng nguyên tắc tài chính trong thu chi. Bị cáo cho rằng đã chi hết số tiền 238.016.610 đồng nhưng không có chứng từ chi, không chứng minh được lời trình bày của bị cáo có căn cứ. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản”; căn cứ Điều 353 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo

[5.1] Tòa án sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp khắc phục 1 phần thiệt hại. Bị cáo được thưởng nhiều giấy khen của đơn vị. Tuy nhiên, bị cáo còn tình tiết giảm nhẹ khác như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa lần nào bị kết án; thuộc những tình tiết quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Mặt khác bị cáo khai rằng việc thu chi nguồn kinh phí hoạt động của Ủy ban nhân dân xã; bị cáo có ghi chép vào sổ cá nhân của bị cáo; nhưng sổ này được để tại phòng làm việc của bị cáo và kế toán T. Và thực tế vụ cháy tại tại phòng làm việc của bị cáo và kế toán T đã xảy ra ngày 17-02-2020; kết quả khám nghiệm tại hiện trường vụ cháy; ghi nhận tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vào lúc 06 giờ ngày 17-02-2020 tại Ủy ban nhân dân xã PL thể hiện có 01 khung kim loại dùng để tài liệu, giấy tờ bị cháy, có nhiều giấy tờ bị cháy than hóa, bàn gỗ bị cháy. Do đó bị cáo có khó khăn để chứng minh cho lời khai của bị cáo; cần xem xét tình tiết khách quan khi quyết định hình phạt.

[5.3] Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; do đó áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo có căn cứ.

[5.4] Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; sửa bản án sơ thẩm; giảm nhẹ 1 phần hình phạt phù hợp ý kiến của Hội đồng xét xử.

[6] Án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30-12- 2016; quy

định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thu T

Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

1. Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu T 03 (ba) năm tù về tội: “Tham ô tài sản”, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

3. Án phí Hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. Tx Tr Bàng;
- Công an. Tx Tr Bàng;
- Chi cục THADSH. Tp Tây Ninh;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Minh Châu

